

20-03-2017

lg(D)

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

VĂN BẢN ĐẾN

Ngày: 17-03-2017

Số: 5336

Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Đắk Lắk

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 27



Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Đắk Lắk

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Đắk Lắk (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 6000449389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 31 tháng 12 năm 2003 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 22 tháng 1 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh dược phẩm và các thiết bị y tế.

Công ty có trụ sở chính tại số 9A, đường Hùng Vương, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Mậu Hoàng Sơn	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên
Ông Đinh Trung Kiên	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Tuyên	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Cẩm Vân	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2016
Ông Nguyễn Ngọc Tuyên	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Thành Trinh	Phó Tổng Giám đốc	

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Đắk Lắk

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Đắk Lắk (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Kim Liên
Tổng Giám đốc

Đắk Lắk, Việt Nam

Ngày 13 tháng 3 năm 2017

Số tham chiếu: 61283515/18741598-DakLak

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Đắc Lắc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Đắc Lắc ("Công ty") được lập ngày 13 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 27, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 9 tháng 3 năm 2016.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Trần Phú Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0637-2013-004-1

Trịnh Xuân Hòa
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 3 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		78.942.978.474	87.239.241.657
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	20.368.971.409	32.842.361.682
111	1. Tiền		19.868.971.409	23.842.361.682
112	2. Các khoản tương đương tiền		500.000.000	9.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	10.600.000.000	2.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10.600.000.000	2.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		19.802.446.246	25.061.654.154
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	18.859.072.621	23.916.173.110
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		252.347.115	369.541.317
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	735.929.274	863.379.283
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(44.902.764)	(87.439.556)
140	IV. Hàng tồn kho	8	27.932.017.674	26.954.903.123
141	1. Hàng tồn kho		27.932.017.674	27.040.358.614
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(85.455.491)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		239.543.145	380.322.698
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		194.117.729	37.500.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	266.198.938
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		45.425.416	76.623.760
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		7.281.620.657	8.293.827.736
220	I. Tài sản cố định		6.781.620.657	7.408.653.481
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	6.326.297.171	6.908.534.429
222	Nguyên giá		17.002.860.954	16.621.144.590
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(10.676.563.783)	(9.712.610.161)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	455.323.486	500.119.052
228	Nguyên giá		799.620.235	799.620.235
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(344.296.749)	(299.501.183)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		-	697.273
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	697.273
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	11	500.000.000	761.976.982
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11	500.000.000	500.000.000
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	261.976.982
260	IV. Tài sản dài hạn khác		-	122.500.000
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	122.500.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		86.224.599.131	95.533.069.393

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		34.521.113.742	49.051.170.869
310	I. Nợ ngắn hạn		34.521.113.742	49.051.170.869
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	28.751.944.304	40.089.329.268
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		14.154.305	11.051.050
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.390.550.382	859.140.729
314	4. Phải trả người lao động		1.236.076.976	3.127.448.718
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	1.095.616.370	1.711.597.247
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		397.500.397	439.017.147
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	1.635.271.008	2.813.586.710
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	16	51.703.485.389	46.481.898.524
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	51.703.485.389	46.481.898.524
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		19.415.880.000	19.415.880.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		19.415.880.000	19.415.880.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(40.000)	(40.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		18.846.423.094	15.703.070.589
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.294.392.000	1.294.392.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		12.146.830.295	10.068.595.935
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		5.745.538.250	3.465.166.351
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		6.401.292.045	6.603.429.584
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		86.224.599.131	95.533.069.393

Nguyễn Thị Thanh Hân
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Hân
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Kim Liên
Tổng Giám đốc

Đắk Lắk, Việt Nam

Ngày 13 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	272.687.347.667	296.092.133.428
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	(199.202.415)	(155.058.103)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	272.488.145.252	295.937.075.325
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	19	(237.803.573.845)	(260.439.510.692)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		34.684.571.407	35.497.564.633
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	1.659.574.222	1.260.247.075
22	7. Chi phí tài chính		(22.018.808)	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	20	(20.973.250.498)	(20.611.292.491)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(7.847.450.268)	(8.051.959.738)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.501.426.055	8.094.559.479
31	11. Thu nhập khác		848.676.860	721.041.970
32	12. Chi phí khác		(77.495.742)	(75.532.059)
40	13. Lợi nhuận khác		771.181.118	645.509.911
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.272.607.173	8.740.069.390
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.1	(1.871.315.128)	(2.136.639.806)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		6.401.292.045	6.603.429.584
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	2.885	2.819
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	24	2.885	2.819

Nguyễn Thị Thanh Hân
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Hân
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Kim Liên
Tổng Giám đốc

Đắk Lắk, Việt Nam

Ngày 13 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		8.272.607.173	8.740.069.390
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	9, 10	1.008.749.188	938.821.162
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng		(127.992.283)	(29.969.276)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	18	(581.040.608)	(993.094.599)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		8.572.323.470	8.655.826.677
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		5.364.661.258	(5.272.482.472)
10	Giảm hàng tồn kho		2.186.134.947	1.038.036.729
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(13.779.695.118)	4.143.227.376
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(34.117.729)	91.000.000
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(2.005.610.346)	(2.847.664.498)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	2.300.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.308.487.181)	(732.249.080)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(2.004.790.699)	5.077.994.732
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(381.716.364)	(2.639.359.273)
23	Tiền chi cho vay đơn vị khác		(10.600.000.000)	(2.261.976.982)
24	Tiền thu hồi cho vay đơn vị khác		2.261.976.982	1.788.845.000
27	Tiền thu lãi cho vay		581.040.608	993.094.599
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(8.138.698.774)	(2.119.396.656)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
36	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.329.900.800)	(3.300.692.800)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(2.329.900.800)	(3.300.692.800)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(12.473.390.273)	(342.094.724)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		32.842.361.682	33.184.456.406
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	20.368.971.409	32.842.361.682



Nguyễn Thị Thanh Hân
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Hân
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Kim Liên
Tổng Giám đốc

Đắk Lắk, Việt Nam

Ngày 13 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Đắk Lắk (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 6000449389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 31 tháng 12 năm 2003 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 22 tháng 1 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh dược phẩm và các thiết bị y tế.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 9A, Hùng Vương, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 156 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 165).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty (“Công ty”) được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”), phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc của hàng tồn kho và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v...) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 7 năm
Phương tiện vận tải	7 - 8 năm
Quyền sử dụng đất	30 - 50 năm

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.12 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.114.778.969	857.247.297
Tiền gửi ngân hàng	16.754.192.440	22.985.114.385
Các khoản tương đương tiền (*)	500.000.000	9.000.000.000
TỔNG CỘNG	20.368.971.409	32.842.361.682

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất 4,3%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 4%/năm).

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	10.600.000.000	10.600.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
TỔNG CỘNG	10.600.000.000	10.600.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000

(*) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn từ ba tháng trở lên đến dưới một năm và hưởng lãi suất 5,3%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Đắk Lắk	2.254.983.342	2.293.194.937
Các khoản phải thu khách hàng khác	16.604.089.279	21.622.978.173
TỔNG CỘNG	18.859.072.621	23.916.173.110
Dự phòng phải thu khó đòi	(44.902.764)	(87.439.556)

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu người lao động	232.117.303	774.676.310
Ký cược, ký quỹ	11.180.000	40.239.303
Các khoản chi hộ	50.956.533	48.463.670
Phải thu khác	441.675.438	-
TỔNG CỘNG	735.929.274	863.379.283

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	24.495.323.433	-	23.074.785.892	(85.455.491)
Hàng mua đang đi trên đường	3.436.694.241	-	3.965.572.722	-
TỔNG CỘNG	27.932.017.674	-	27.040.358.614	(85.455.491)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số dư đầu năm	12.949.014.643	1.035.909.933	2.636.220.014	16.621.144.590
- Mua trong năm	-	62.118.182	-	62.118.182
- Đầu tư XDCB hoàn thành	319.598.182	-	-	319.598.182
Số dư cuối năm	13.268.612.825	1.098.028.115	2.636.220.014	17.002.860.954
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết	2.645.363.459	718.502.932	273.952.286	3.637.818.677
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số dư đầu năm	7.577.332.646	859.521.111	1.275.756.404	9.712.610.161
- Khấu hao trong năm	582.237.667	73.829.089	307.886.866	963.953.622
Số dư cuối năm	8.159.570.313	933.350.200	1.583.643.270	10.676.563.783
Giá trị còn lại:				
Số dư đầu năm	5.371.681.997	176.388.822	1.360.463.610	6.908.534.429
Số dư cuối năm	5.109.042.512	164.677.915	1.052.576.744	6.326.297.171

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm, cuối năm	516.291.335	283.328.900	799.620.235
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết	-	283.328.900	283.328.900
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số dư đầu năm	52.061.170	247.440.013	299.501.183
- Hao mòn trong năm	8.906.679	35.888.887	44.795.566
Số dư cuối năm	60.967.849	283.328.900	344.296.749
Giá trị còn lại:			
Số dư đầu năm	464.230.165	35.888.887	500.119.052
Số dư cuối năm	455.323.486	-	455.323.486

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đây là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Bệnh viện Mắt Tây Nguyên với số tiền là 500.000.000 đồng.

Công ty không thể thu thập được các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Bệnh viện Mắt Tây Nguyên chưa niêm yết trên sàn chứng khoán.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán				
- Công ty TNHH MTV Vimedimex Bình Dương	2.780.986.765	2.780.986.765	3.312.761.873	3.312.761.873
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco – Chi nhánh Tây Nguyên	1.193.629.894	1.193.629.894	4.604.656.418	4.604.656.418
- Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam	1.033.006.000	1.033.006.000	1.469.082.502	1.469.082.502
- Công ty TNHH Thương mại Dược Thuận Gia	522.722.544	522.722.544	1.516.033.675	1.516.033.675
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Eco	1.343.237	1.343.237	2.072.385.404	2.072.385.404
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Âu Cơ	-	-	4.295.362.673	4.295.362.673
- Công ty TNHH Thăng Long	-	-	2.425.500.000	2.425.500.000
- Phải trả cho các đối tượng khác	19.754.826.352	19.754.826.352	19.331.439.478	19.331.439.478
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	3.465.429.512	3.465.429.512	1.062.107.245	1.062.107.245
TỔNG CỘNG	28.751.944.304	28.751.944.304	40.089.329.268	40.089.329.268

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	19.291.478	2.030.549.335	2.035.940.921	13.899.892
Thuế thu nhập doanh nghiệp	834.605.850	2.547.654.986	2.005.610.346	1.376.650.490
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	823.151.407	823.151.407	-
Các loại thuế khác	5.243.401	52.205.599	57.449.000	-
TỔNG CỘNG	859.140.729	5.453.561.327	4.922.151.674	1.390.550.382

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chương trình thường niên Bamepharm family	192.680.000	79.450.000
Chi phí chăm sóc khách hàng	455.907.708	161.400.000
Chương trình kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty	-	660.567.048
Chi may đồng phục	-	325.200.000
Chi phí khác	447.028.662	484.980.199
TỔNG CỘNG	1.095.616.370	1.711.597.247

15. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	2.813.586.710	2.051.653.190
Trích lập trong năm (Thuyết minh 16.1)	1.130.171.479	1.491.882.600
Sử dụng trong năm	(2.308.487.181)	(729.949.080)
Số dư cuối năm	1.635.271.008	2.813.586.710

Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Đắk Lắk

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

						Đơn vị tính: VND	
		Vốn góp	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước							
Số dư đầu năm		19.415.880.000	(40.000)	12.158.000.114	1.294.392.000	11.802.812.226	44.671.044.340
-	Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	6.603.429.584	6.603.429.584
-	Cổ tức công bố	-	-	-	-	(3.300.692.800)	(3.300.692.800)
-	Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.545.070.475	-	(3.545.070.475)	-
-	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(1.491.882.600)	(1.491.882.600)
Số dư cuối năm		19.415.880.000	(40.000)	15.703.070.589	1.294.392.000	10.068.595.935	46.481.898.524
Năm nay							
Số dư đầu năm		19.415.880.000	(40.000)	15.703.070.589	1.294.392.000	10.068.595.935	46.481.898.524
-	Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	6.401.292.045	6.401.292.045
-	Cổ tức công bố (i)	-	-	-	-	(2.329.900.800)	(2.329.900.800)
-	Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	-	-	(3.143.352.505)	-
-	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thường Ban điều hành (i)	-	-	-	-	(1.130.171.479)	(1.130.171.479)
-	Tặng khác (ii)	-	-	-	-	2.280.367.099	2.280.367.099
Số dư cuối năm		19.415.880.000	(40.000)	18.846.423.094	1.294.392.000	12.146.830.295	51.703.485.389

(i) Việc chia cổ tức và phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 28 tháng 4 năm 2016.

(ii) Tăng khác về lợi nhuận sau thuế chưa phân phối chủ yếu bao gồm các khoản điều chỉnh về chênh lệch thừa hàng tồn kho trong các năm tài chính trước.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu là các khoản được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong các năm tài chính trước với mục đích để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Công ty Cổ phần Traphaco Bà Nguyễn Thị Kim Liên Ông Nguyễn Ngọc Tuyên Cổ đông khác	11.302.710.000	11.302.710.000	-	11.302.710.000	11.302.710.000	-
	322.200.000	322.200.000	-	322.200.000	322.200.000	-
	17.450.000	17.450.000	-	17.450.000	17.450.000	-
	7.773.520.000	7.773.520.000	-	7.773.520.000	7.773.520.000	-
TỔNG CỘNG	19.415.880.000	19.415.880.000	-	19.415.880.000	19.415.880.000	-

16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	19.415.880.000	19.415.880.000
Tăng trong năm	-	-
Số cuối năm	19.415.880.000	19.415.880.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.329.900.800	3.300.692.800

16.4 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức cho năm 2015: VND 1.200/cổ phiếu	2.329.900.800	-
Cổ tức cho năm 2014: VND 1.700/cổ phiếu	-	3.300.692.800
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.5 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đăng ký phát hành	1.941.588	19.415.880.000	1.941.588	19.415.880.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng				
Cổ phiếu phổ thông	1.941.588	19.415.880.000	1.941.588	19.415.880.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)				
Cổ phiếu phổ thông	(4)	(40.000)	(4)	(40.000)
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.941.584	19.415.840.000	1.941.584	19.415.840.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu (31 tháng 12 năm 2015: 10.000 đồng/cổ phiếu)

17. DOANH THU

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	272.687.347.667	296.092.133.428
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	272.079.888.944	284.276.106.787
Doanh thu bán thành phẩm	-	11.113.127.847
Doanh thu cung cấp dịch vụ	607.458.723	702.898.794
Các khoản giảm trừ doanh thu	(199.202.415)	(155.058.103)
Hàng bán bị trả lại	(199.202.415)	(155.058.103)
Doanh thu thuần	272.488.145.252	295.937.075.325
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	271.880.686.529	284.121.048.684
Doanh thu bán thành phẩm	-	11.113.127.847
Doanh thu cung cấp dịch vụ	607.458.723	702.898.794

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thanh toán	1.078.533.614	267.152.476
Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	581.040.608	993.094.599
TỔNG CỘNG	1.659.574.222	1.260.247.075

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	237.803.573.845	253.607.505.624
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	6.832.005.068
TỔNG CỘNG	237.803.573.845	260.439.510.692

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
- Chi phí lương nhân viên	9.016.461.374	8.396.017.562
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	343.481.000	735.989.152
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	649.185.728	620.627.392
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.965.792.666	4.581.622.916
- Chi phí khác bằng tiền	7.998.329.730	6.277.035.469
TỔNG CỘNG	20.973.250.498	20.611.292.491

Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí lương nhân viên	4.335.271.493	4.672.982.624
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	172.161.214	196.860.550
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	359.563.460	318.193.770
- Chi phí thuế, phí, lệ phí	823.151.407	495.182.321
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	428.955.851	1.034.730.658
- Chi phí khác bằng tiền	1.728.346.843	1.334.009.815
TỔNG CỘNG	7.847.450.268	8.051.959.738

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	515.642.214	932.849.702
Chi phí nhân công	13.351.732.867	13.069.000.186
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.008.749.188	938.821.162
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.179.381.785	6.198.975.451
Chi phí khác	9.765.194.712	7.523.605.728
TỔNG CỘNG	28.820.700.766	28.663.252.229

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") của Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế, (năm 2015: 22%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

22.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.656.597.077	1.939.432.319
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong năm trước (*)	214.718.051	197.207.487
TỔNG CỘNG	1.871.315.128	2.136.639.806

(*) Số liệu điều chỉnh trong năm nay được căn cứ theo Biên bản kiểm tra thuế cho năm tài chính 2015 do Đoàn kiểm tra Cục thuế tỉnh Đắk Lắk ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2016.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.272.607.173	8.740.069.390
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	1.654.521.434	1.922.815.266
Các khoản điều chỉnh tăng:		
Chi phí không đủ hóa đơn chứng từ	-	16.617.053
Phạt vi phạm hành chính	12.575.643	-
Các khoản điều chỉnh giảm:		
Lợi nhuận được chia	(10.500.000)	-
Chi phí thuế TNDN	1.656.597.077	1.939.432.319

22.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Traphaco	Công ty mẹ	Mua hàng hóa Trả cổ tức	27.760.951.521 1.356.325.200	19.014.838.002 1.921.460.700

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán (Thuyết minh số 12)				
Công ty Cổ phần Traphaco	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	3.465.429.512	1.062.107.245
			3.465.429.512	1.062.107.245

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	850.981.813	882.733.806
TỔNG CỘNG	850.981.813	882.733.806

24. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.401.292.045	6.603.429.584
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(800.000.000)	(1.130.171.479)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	5.601.292.045	5.473.258.105
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.941.584	1.941.584
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) được điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	1.941.584	1.941.584
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	2.885	2.819
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.885	2.819

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2015 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2015 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ-ĐHCD ngày 28 tháng 4 năm 2016.

Cho năm 2016, lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông đã được trừ mức tạm trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 800.000.000 VND theo Biên bản làm việc của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 1 tháng 3 năm 2017.

25. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê kho, thuê đất để làm văn phòng và nhà thuốc của Công ty. Các khoản tiền thuê cam kết phải trả tối thiểu trong tương lai được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	802.053.396	403.422.138
Từ 1 đến 5 năm	3.179.128.512	1.604.717.980
Trên 5 năm	17.770.370.528	9.328.072.662
TỔNG CỘNG	21.751.552.436	11.336.212.780

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ	VND	415.204.936	671.941.304
2. Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ	USD	519	824

27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Nguyễn Thị Thanh Hân
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Hân
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Kim Liên
Tổng Giám đốc

Đắk Lắk, Việt Nam

Ngày 13 tháng 3 năm 2017